

TỈNH ỦY HÀ TĨNH  
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

\*

KẾT QUẢ VIẾT BÀI THU HOẠCH: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐẢNG Ở CƠ SỞ; NGHIỆP VỤ CÔNG  
TÁC MẶT TRẬN TÒ QUỐC VÀ ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN Ở CƠ SỞ  
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH K168 (MỞ TẠI TRƯỜNG CT TRẦN PHÚ)

| TT | Họ và tên         |        | Số BD | Điểm                               |                                                            | Ghi chú |
|----|-------------------|--------|-------|------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------|
|    |                   |        |       | Nghiệp vụ công tác<br>Đảng ở cơ sở | Nghiệp vụ công tác<br>MTTQ và đoàn thể<br>nhân dân ở cơ sở |         |
| 1  | Nguyễn Tuấn       | Anh    | 01    | 7,0                                | 7,5                                                        |         |
| 2  | Trần Hoài         | Ánh    | 02    | 7,75                               | 7,5                                                        |         |
| 3  | Nguyễn Thị Thanh  | Bình   | 03    | 8,25                               | 8,0                                                        |         |
| 4  | Lê Thị Thành      | Chung  | 04    | 8,0                                | 8,0                                                        |         |
| 5  | Nguyễn Đức        | Chương | 05    | 7,5                                | 8,0                                                        |         |
| 6  | Nguyễn Việt       | Cương  | 06    | 7,5                                | 7,0                                                        |         |
| 7  | Nguyễn Phúc Việt  | Cường  | 07    | 8,5                                | 8,5                                                        |         |
| 8  | Trương Công Chính | Đại    | 08    | 8,5                                | 8,5                                                        |         |
| 9  | Lê Văn            | Đại    | 09    | 8,5                                | 8,0                                                        |         |
| 10 | Nguyễn Hoàng      | Diệp   | 10    | 8,0                                | 7,5                                                        |         |
| 11 | Nguyễn Thị        | Diệu   | 11    | 7,75                               | 7,0                                                        |         |
| 12 | Nguyễn Nhật       | Đức    | 12    | 8,25                               | 7,5                                                        |         |
| 13 | Trần Thị          | Dung   | 13    | 8,0                                | 8,0                                                        |         |
| 14 | Trần Quốc         | Dũng   | 14    | 8,5                                | 8,5                                                        |         |
| 15 | Nguyễn Văn        | Dũng   | 15    | 7,0                                | 8,0                                                        |         |
| 16 | Đinh Tiến         | Dũng   | 16    | 8,0                                | 8,0                                                        |         |
| 17 | Nguyễn Tiến       | Dũng   | 17    | 8,0                                | 7,5                                                        |         |
| 18 | Nguyễn Duy        | Dũng   | 18    | 8,0                                | 7,5                                                        |         |
| 19 | Phạm Lê           | Giang  | 19    | 8,5                                | 8,5                                                        |         |
| 20 | Ngô Quốc          | Giáp   | 20    | 8,5                                | 7,5                                                        |         |
| 21 | Nguyễn Đình       | Giáp   | 21    | 7,75                               | 7,5                                                        |         |
| 22 | Võ Phúc           | Hà     | 22    | 8,0                                | 7,5                                                        |         |
| 23 | Nguyễn Việt       | Hải    | 23    | 7,5                                | 8,5                                                        |         |
| 24 | Lê Thị            | Hiền   | 24    | 8,25                               | 8,5                                                        |         |
| 25 | Trần Tuấn         | Hiệp   | 25    | 7,75                               | 7,5                                                        |         |
| 26 | Phan Đình         | Hiệp   | 26    | 8,0                                | 8,0                                                        |         |
| 27 | Lê Thị Hồng       | Hoa    | 27    | 8,0                                | 8,5                                                        |         |
| 28 | Nguyễn Thị Thanh  | Hoa    | 28    | 8,25                               | 8,5                                                        |         |
| 29 | Trần Thị Hải      | Hòa    | 29    | 8,5                                | 8,0                                                        |         |



| TT | Họ và tên        |        | Số BD | Điểm                               |                                                            | Ghi chú |
|----|------------------|--------|-------|------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------|
|    |                  |        |       | Nghịệp vụ công tác<br>Đảng ở cơ sở | Nghịệp vụ công tác<br>MTTQ và đoàn thể<br>nhân dân ở cơ sở |         |
| 30 | Trần Thanh       | Hoài   | 30    | 8,25                               | 7,5                                                        |         |
| 31 | Nguyễn Thị Kim   | Hoàn   | 31    | 8,5                                | 7,5                                                        |         |
| 32 | Nguyễn Văn       | Hoàng  | 32    | 8,5                                | 8,0                                                        |         |
| 33 | Lâm Bảo          | Hoàng  | 33    | 8,25                               | 7,5                                                        |         |
| 34 | Nguyễn Văn       | Hoàng  | 34    | 8,5                                | 7,5                                                        |         |
| 35 | Phan Thị Thu     | Hồng   | 35    | 8,5                                | 8,5                                                        |         |
| 36 | Trần Đình        | Huân   | 36    | 7,75                               | 8,0                                                        |         |
| 37 | Đặng             | Huê    | 37    | 7,5                                | 8,0                                                        |         |
| 38 | Phan Văn         | Hùng   | 38    | 8,0                                | 8,5                                                        |         |
| 39 | Nguyễn Thị       | Hương  | 39    | 7,5                                | 8,0                                                        |         |
| 40 | Ngô Đăng Phú     | Khánh  | 40    | 8,0                                | 8,0                                                        |         |
| 41 | Nguyễn Quốc      | Lập    | 41    | 8,0                                | 8,5                                                        |         |
| 42 | Bùi Hồng Thùy    | Linh   | 42    | 8,5                                | 8,5                                                        |         |
| 43 | Nguyễn Thăng     | Long   | 43    | 7,75                               | 8,0                                                        |         |
| 44 | Thái Thị         | Mùi    | 44    | 8,0                                | 8,0                                                        |         |
| 45 | Nguyễn Thị Hà    | My     | 45    | 8,5                                | 7,5                                                        |         |
| 46 | Phạm Thanh       | Nam    | 46    | 8,5                                | 8,0                                                        |         |
| 47 | Trương Thị       | Nga    | 47    | 8,5                                | 8,0                                                        |         |
| 48 | Phan Thanh       | Ngọc   | 48    | 8,0                                | 8,5                                                        |         |
| 49 | Nguyễn Thị Thanh | Ngọc   | 49    | 8,25                               | 7,5                                                        |         |
| 50 | Nguyễn Thị Thúy  | Ngọc   | 50    | 7,75                               | 7,0                                                        |         |
| 51 | Nguyễn Thị Quỳnh | Như    | 51    | 8,5                                | 7,5                                                        |         |
| 52 | Bùi Thị Xuân     | Nhụy   | 52    | 8,5                                | 8,5                                                        |         |
| 53 | Nguyễn Văn       | Ninh   | 53    | 7,0                                | 7,5                                                        |         |
| 54 | Hoàng Thị Kiều   | Oanh   | 54    | 7,5                                | 7,5                                                        |         |
| 55 | Nguyễn Thị       | Oanh   | 55    | 7,5                                | 7,0                                                        |         |
| 56 | Trần Nhật        | Phô    | 56    | 8,25                               | 7,0                                                        |         |
| 57 | Phạm Thị         | Phương | 57    | 8,5                                | 8,5                                                        |         |
| 58 | Phạm Tiên        | Phương | 58    | 8,5                                | 8,0                                                        |         |
| 59 | Phạm Hồng        | Quân   | 59    | 8,5                                | 8,0                                                        |         |
| 60 | Nguyễn Đức       | Quảng  | 60    | 8,0                                | 8,5                                                        |         |
| 61 | Trần Thị Anh     | Quỳnh  | 61    | 8,25                               | 8,5                                                        |         |
| 62 | Phạm Thanh       | Son    | 62    | 7,5                                | 8,5                                                        |         |
| 63 | Hoàng Ngọc       | Thạch  | 63    | 6,5                                | 7,5                                                        |         |
| 64 | Trần Đình        | Thắng  | 64    | 7,5                                | 7,5                                                        |         |
| 65 | Nguyễn Xuân      | Thắng  | 65    | 8,0                                | 8,0                                                        |         |

| TT | Họ và tên       |        | Số BD | Điểm                               |                                                            | Ghi chú |
|----|-----------------|--------|-------|------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------|
|    |                 |        |       | Nghiep vụ công tác<br>Đang ở cơ sở | Nghiep vụ công tác<br>MTTQ và đoàn thể<br>nhân dân ở cơ sở |         |
| 66 | Nguyễn Công     | Thắng  | 66    | 7,5                                | 7,5                                                        |         |
| 67 | Nguyễn Thị      | Thanh  | 67    | 8,5                                | 8,5                                                        |         |
| 68 | Nguyễn Trọng    | Thành  | 68    | 7,5                                | 7,0                                                        |         |
| 69 | Nguyễn Thị      | Thị    | 69    | 8,0                                | 8,0                                                        |         |
| 70 | Nguyễn Ngọc     | Thịnh  | 70    | 8,25                               | 7,5                                                        |         |
| 71 | Lê Hữu          | Thọ    | 71    | 7,75                               | 7,0                                                        |         |
| 72 | Nguyễn Hữu      | Thọ    | 72    | 7,75                               | 7,5                                                        |         |
| 73 | Lê Hoài         | Thu    | 73    | 7,5                                | 7,5                                                        |         |
| 74 | Nguyễn Công     | Thuận  | 74    | 8,25                               | 8,5                                                        |         |
| 75 | Nguyễn Thị      | Thương | 75    | 7,75                               | 7,0                                                        |         |
| 76 | Trần Thị        | Thúy   | 76    | 8,5                                | 8,0                                                        |         |
| 77 | Nguyễn Việt     | Tú     | 78    | 8,5                                | 8,0                                                        |         |
| 78 | Nguyễn Hữu      | Tuân   | 79    | 7,5                                | 8,0                                                        |         |
| 79 | Nguyễn Thị Ngọc | Vân    | 80    | 7,75                               | 8,0                                                        |         |
| 80 | Nguyễn Thị Ai   | Vân    | 81    | 7,5                                | 8,0                                                        |         |
| 81 | Nguyễn Phong    | Vũ     | 82    | 7,5                                | 8,0                                                        |         |

Danh sách này gồm: 81 học viên

Hà Tĩnh, ngày tháng 01 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

HIỆU TRƯỞNG





Thái Thị Hiền

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

TS. Nguyễn Trọng Tứ